

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2019/HS-ST**
Ngày 01 tháng 3 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khanh

2. Bà Hồ Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đại-Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2019/TLST-HS, ngày 31 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HS, ngày 14 tháng 02 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn N; Sinh năm 1979; Nơi cư trú: ấp N, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T và bà Huỳnh Thị T1; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại và đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Phạm Thị G, sinh năm 1963, trú tại ấp A, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1971, trú tại ấp M, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

Người tham gia tố tụng khác:

- NLC1, là người làm chứng (vắng mặt)

- NLC2, là người làm chứng (có mặt)

- NLC3, là người làm chứng (vắng mặt)

- NLC4, là người làm chứng (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 20 phút, ngày 11/11/2017, Trần Văn N sinh năm 1979, trú tại ấp N, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng đi đến Quán XX của chị Phạm Thị G ở ấp M, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (do chị G thuê lại của anh Nguyễn Hữu T2) để nhậu. Sau khi nhậu xong, N không chịu về mà tiếp tục ở lại quán; lúc này chị G kêu anh Phạm Văn C (là người chạy xe Honda thuê) chở chị G đi chợ M gần đó để mua đồ. Do bức tức việc chị G bỏ đi nên N đã có hành vi đập phá một số tài sản trong quán và dùng hột quẹt đốt quán của chị G. Sau khi đốt xong, N bỏ đi và bị cơ quan Công an mời làm việc ngay sau đó. Quá trình điều tra, N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Qua kiểm kê tài sản bị thiệt hại trong quán của chị G được N thừa nhận đã gây ra là: Đập bể 10 vỏ chai bia; đập bể 01 vỏ thùng nước lọc; đập bể 01 ghế nhựa; làm cháy 05 ghế nhựa; cháy 03 võng dù; cháy 01 bảng hiệu; cháy 8,5m dây điện; cháy một phần quán mái lá phía trước giáp lộ đtal có diện tích 03m x 3,2m; cháy một phần mái lá phía sau giáp sông có diện tích 02m x 3,2m, cháy toàn bộ mái lá bên hông quán có diện tích 03m x 1,8m và một phần đỉnh mái lá có chiều dài 5,7m, rộng trung bình 01m.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 109, ngày 20/12/2017 của Hội đồng Định giá trong Tổ tụng hình sự huyện K kết luận tổng giá trị tài sản bị thiệt hại nêu trên là 5.213.536 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản.

Tại phiên tòa, bị hại Phạm Thị G yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị đối với tài sản bị hư hỏng do hành vi của bị cáo gây ra theo kết quả định giá tài sản là 5.213.536 đồng, và yêu cầu Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo bản Cáo trạng số 04/CT-VKS-H.KS, ngày 30/01/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng truy tố bị cáo Trần Văn N về tội “Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015; đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, động cơ phạm tội của bị cáo, cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 178; Điều 38; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo với mức án từ 06 tháng đến 01 năm tù; buộc bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại bằng giá trị tính theo kết quả định giá; về vật chứng của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo là đã thấy được hành vi của mình trong việc hủy hoại tài sản là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt ông Nguyễn Hữu T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; NLC1, NLC3, NLC4 là người làm chứng; xét thấy sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử và tại phiên tòa, vị đại diện Viện Kiểm sát, bị cáo, bị hại đều không yêu cầu hoãn phiên tòa, nên căn cứ vào các Điều 292 và 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kế Sách, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Bị cáo N đã có hành vi đập phá tài sản và đốt làm cháy quán của chị G, trực tiếp gây thiệt hại tài sản có trị giá 5.213.536 đồng, hành vi này đã đủ yếu tố cấu thành tội “Hủy hoại tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 143 của Bộ luật Hình sự năm 1999, nhưng để áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội, Viện Kiểm sát đã truy tố và Tòa án đưa ra xét xử bị cáo theo điều khoản tương ứng của Bộ luật Hình sự năm 2015, cụ thể là khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.”

[4] Bị cáo biết rõ việc hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác là vi phạm pháp luật; tài sản mà bị cáo hủy hoại là của bị hại Phạm Thị G có trị giá 5.213.536 đồng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và xâm phạm đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, vì vậy, việc Viện Kiểm sát truy tố bị cáo Trần Văn N về tội “Hủy hoại tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự; đây là lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong suốt thời gian điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo sẽ không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, tuy nhiên, trong suốt thời gian từ khi có hành vi vi phạm pháp luật xảy ra đến nay, bị cáo chưa khắc phục hậu quả cho bị hại, cũng không có thỏa thuận nào khác. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng một hình phạt tù nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội sau này và đồng thời cũng răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Văn N đã trực tiếp làm hư hỏng tài sản của bị hại Phạm Thị G có giá trị tại thời điểm bị hủy hoại là 5.213.536 đồng, vì vậy bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại toàn bộ thiệt hại bằng số tiền này, theo quy định tại các Điều 584 và 589 của Bộ luật Dân sự; do đó, xét yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của bị hại Phạm Thị G là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về vật chứng đang được thu giữ, tạm giữ của bị cáo là 01 hột quẹt gaz hiệu PINGOUS (màu trắng, đã qua sử dụng), căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu và tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải bồi thường thiệt hại tài sản cho bị hại, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a và c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội “Hủy hoại tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điều 38; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn N 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bị bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm bồi thường: Áp dụng các Điều 357; 468; 584 và 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Trần Văn N phải bồi thường cho bị hại Phạm Thị G số tiền 5.213.536 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 hột quẹt gaz hiệu PINGOUS (màu trắng, đã qua sử dụng) theo Biên bản thu giữ vật chứng ngày 11/11/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a và c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Trần Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, tổng cộng là 500.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, theo quy định tại các Điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Các đương sự trong vụ án;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Công an huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Diệu